

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ – ST

Ngày 20 – 12 – 2022

“Về việc ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: ông Vi Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bảy

2. Ông Trần Hữu Trung.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Phùng Thị Oanh - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Vũ Văn Tập - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 338/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa ra vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị L; địa chỉ: Tổ 4, khu Vĩnh Sinh, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh Vũ Mạnh T; địa chỉ: tổ 4, khu Vĩnh Sinh, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Mạnh T tự nguyện kết hôn tại UBND phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh vào năm 1998. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ 4, khu Vĩnh Sinh, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc cho đến năm 2016 vợ chồng phát mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xảy ra chửi bới, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị đã được gia đình hai bên động viên hoà giải nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2019, khi ly thân mỗi người sống một nơi, không

quan tâm chăm sóc nhau. Nay, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung sống vợ chồng không hạnh phúc, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Mạnh T.

-Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung tên là Vũ Tùng D, sinh ngày 02/04/1999, đã thành niên nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Vũ Mạnh T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Năm 1998, anh T và chị Nguyễn Thị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc, tuy nhiên do chị Nguyễn Thị L trong quá trình làm ăn kinh tế vay tiền của nhiều người và không có khả năng trả nợ nên vào năm 2016 chị L đã tự ý đi làm ăn xa, không nói cho tôi biết đi đâu, làm gì, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân chị L có về nhà vài lần, chúng tôi đã nói chuyện hàn gắn vợ chồng nhưng chị L vẫn quyết định đi làm ăn xa. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với tôi, quan điểm của tôi là không đồng ý ly hôn vì bản thân tôi còn tình cảm với chị L và tôi mong muốn con trai lập gia đình riêng thì lúc đấy tôi mới đồng ý ly hôn. Tôi không muốn việc ly hôn làm ảnh hưởng đến cuộc sống của con và gia đình.

-Về con chung: Tôi và chị L có 01 con chung tên là Vũ Tùng D, sinh ngày 02/04/1999, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

* Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, ông Nguyễn Anh T – Trưởng khu Vĩnh Sinh, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q cho biết: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Mạnh T là vợ chồng, sinh sống tại tổ 4, khu Vĩnh Sinh, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q. Quá trình chung sống tại địa phương, chị L và anh T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể ông không nắm được. Khoảng từ năm 2016 chị L không có mặt ở địa phương, chị L đi đâu, làm gì địa phương không nắm được. Về con chung: giữa chị L và anh T có 01 người con chung là Vũ Tùng D, hiện đã thành niên. Nay, chị L đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T, quan điểm của ông Nguyễn Anh T: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

****Tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều phát biểu ý kiến:***

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt phiên toà không lý do, đã vi phạm tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, giải quyết cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Vũ Mạnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Thủ tục thụ lý, thẩm quyền giải quyết đơn kiện của chị Nguyễn Thị L và việc tiến hành các thủ tục tố tụng khác, Toà án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đã được thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị L đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Mạnh T tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa chị L và anh T có xảy ra mâu thuẫn. Nay chị Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh Vũ Mạnh T không đồng ý ly hôn vì anh T mong muốn con trai lập gia đình riêng thì lúc đấy anh T mới đồng ý ly hôn với chị L. Anh T không muốn việc ly hôn làm ảnh hưởng đến cuộc sống của con và gia đình. Xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh T có phát sinh mâu thuẫn do cả hai bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xảy ra xúc phạm nhau, do không khắc phục được mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không có tình cảm nên vợ chồng đã sống ly thân mà không còn quan tâm với nhau. Việc anh T cho rằng anh T không muốn ly hôn và anh T chỉ đồng ý ly hôn sau khi con trai lập gia đình riêng. Như vậy, anh T không muốn ly hôn cũng không phải vì tình cảm vợ chồng. Từ đó xác định: mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị L được ly hôn anh T theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Mạnh T có 01 con chung là Vũ Tùng D, sinh ngày 02/04/1999 đã thành niên, vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: chị L, anh T xác định có tài sản chung và không có nợ chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Vũ Mạnh T.

2. *Về án phí:* chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009690 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

3. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện KSND thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH (UBND phường Mạo Khê);
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vi Thanh Hà